TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang

Ông Nguyễn Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long: ông Nguyễn Tấn Đạt-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 149/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Bùi Thị Phương T,** sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp

- *Bị đơn*: anh **Nguyễn Thanh L,** sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Phương T trình bày:

Về hôn nhân: qua quen biết chị T và anh L tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 22/3/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh L thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng vợ con, anh L còn nhiều lần bạo lực gia đình đánh đập chị T, chị T có khuyên ngăn và tha thứ cho anh L nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Hiện nay, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Thanh L.

Về con chung: vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017, hiện nay cháu Thiên Ý đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thiên Ý và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung là Nguyễn Bùi Thiên Ý đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Về hôn nhân: qua quen biết anh L và chị T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp) năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh L thừa nhận thường xuyên uống rượu, những lần uống rượu do không kìm chế được bản thân nên có bạo lực gia đình với chị T vài lần nhưng thực tế anh L rất thương vợ con. Anh L rất hối hận những chuyện mình làm tổn thương chị T, mong muốn chị T tha thứ để gia đình đoàn tụ lo cho con cái. Hiện nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh L không đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017, hiện nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh L đồng ý tiếp tục giao con chung là Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017 cho chị T nuôi dưỡng, anh L đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị T cho đến khi con chung là Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/4/2026 cháu Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017 trình bày: sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là Bùi Thị Phương T.

Tại phiên tòa:

Chị Bùi Thị Phương T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị T thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Bùi

Thiên Ý mỗi tháng 2.070.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thiên Ý đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thanh L: giữ nguyên ý kiến đã trình bày, anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Bùi Thiên Ý mỗi tháng 2.070.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thiên Ý đủ 18 tuổi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Giải quyết cho ly hôn đối với chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Thanh L.

- Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017 cho chị Bùi Thị Phương T nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh Nguyễn Thanh L phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Bùi Thiên Ý là 2.070.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: chị Bùi Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận quan hệ tranh chấp về "ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã N, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn số 629/TLKH-BS ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Thanh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời trình bày của chị T thì sau khi cưới nhau chị T và anh L cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì không hàn gắn được. Chị T cho rằng anh L thường xuyên uống rượu chửi mắng vợ con, anh L còn bạo lực gia đình với chị T, anh chị ly thân từ năm 2020 đến nay không đoàn tụ được, chị T xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L giữ nguyên ý kiến trình bày không đồng ý ly hôn với chị T vì còn thương chị T, muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con, anh L thừa nhận có uống rượu và cũng có lần bạo lực gia đình với chị T nhưng anh L không cố ý, anh L hứa hẹn sẽ thay đổi và mong được đoàn tụ với chị T.

Xét thấy, chị T và anh L đã ly thân, chị T đã dẫn con về nhà ngoại ở Đồng Tháp sinh sống từ năm 2020 đến nay, anh chị mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, yêu thương chăm sóc nhau và cũng không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T và anh L đều trình bày anh L thường xuyên uống rượu, nhiều lần anh L bạo lực gia đình với chị T làm chị T hoảng sợ không muốn tiếp tục chung sống với anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định cuộc sống hôn nhân của chị T và anh L không hạnh phúc, anh L có hành vi bạo lực gia đình với chị T làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe và tinh thần của chị T nên cuộc sống chung không thể tiếp tục và cũng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: chị T và anh L cùng trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thiên Ý, phía anh L trình bày trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh L đồng ý giao cháu Thiên Ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời nguyện vọng của cháu Thiên Ý cũng mong muốn được sống chung với mẹ là chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T, giao cháu Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Bùi Thiên Ý, mỗi tháng 2.070.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Bùi Thiên Ý đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định *"Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nữa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con".* Theo Điều 3 Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ thì xã N nơi anh L đang cư trú thuộc vùng III, có mức lương tối thiểu vùng là 4.140.000 đồng/tháng. Như vậy, mức cấp dưỡng nuôi con mà chị T đưa ra là ½ mức lương tối thiểu vùng, mức cấp dưỡng này phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.070.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Bùi Thiên Ý đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung của chị T. Buộc anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.070.000 đồng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Bùi Thiên Ý đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: chị T và anh L cùng thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: chị T và anh L cùng thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Bùi Thị Phương T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Buộc anh Nguyễn Thanh L chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 3 Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Phương T

1. Về hôn nhân: chấp nhận cho chị Bùi Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

2. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017 cho chị Bùi Thị Phương T nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh Nguyễn Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Bùi Thiên Ý, sinh ngày 28/9/2017 mỗi tháng 2.070.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Nguyễn Bùi Thiên Ý đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Bùi Thị Phương T và anh Nguyễn Thanh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc chị Bùi Thị Phương T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007052 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ.

Buộc anh Nguyễn Thanh L chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Ngọc Trinh